

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Cảng thủy nội địa Vĩnh Tân tại xã Long Tân,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 57/TTr-SXD ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Văn bản số 1489/SXD-QLHTĐT ngày 22 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cảng thủy nội địa Vĩnh Tân tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới: Xác định theo Trích lục và biên vẽ bản đồ địa chính số 7383/2019 tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi

nhánh Nhơn Trạch thực hiện ngày 20 tháng 11 năm 2019 được Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 21 tháng 11 năm 2019, phạm vi giới hạn như sau:

a) Phía Đông : Giáp Rạch nước hiện hữu.

b) Phía Tây : Giáp Kho cảng ICD của Công ty Trần Thái.

c) Phía Nam : Giáp Đường quy hoạch (Lộ giới 29m).

d) Phía Bắc : Giáp Sông Đồng Nai (Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là 30m theo Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai).

2. Quy mô lập quy hoạch:

a) Quy mô:

- Quy mô diện tích đất : 7,6129 ha.

- Quy mô diện tích mặt nước: 1,638 ha (Theo Văn bản số 1243/CĐTNĐ-PCTTr ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam).

- Quy mô dự kiến của kho : Khoảng 100.000 tấn/năm.

- Quy mô số người làm việc hàng ngày: 150 người.

b) Tỷ lệ lập quy hoạch : 1/500.

3. Tính chất, mục tiêu:

a) Là dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh Kho cảng thủy nội địa tổng hợp phục vụ các hoạt động cung cấp, bốc xếp hàng hóa trong khu vực của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, gắn kết với các khu vực lân cận. Được tổ chức gồm các khu chức năng: kho chứa, kho bãi các loại, khu điều hành dịch vụ, công trình đầu mối hạ tầng, công viên cây xanh tập trung, hệ thống giao thông,...

b) Xác lập cơ sở cho Chủ đầu tư tiến hành triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định và là cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

a) Tỷ lệ sử dụng đất:

- Đất dịch vụ điều hành : $\geq 2\%$.

- Đất kho chứa : $\leq 50\%$.

- Đất công trình đầu mối kỹ thuật : $\geq 2\%$.

- Đất cây xanh, mặt nước : $\geq 17\%$.

- Đất giao thông : $\geq 10\%$.

b) Mật độ xây dựng:

- Công trình dịch vụ điều hành : $\leq 50\%$.

- Công trình kho chứa : $\leq 43\%$.

- Công trình đầu mối kỹ thuật : $\leq 40\%$.

c) Tầng cao và chiều cao xây dựng:

- Công trình dịch vụ điều hành : 01 – 03 tầng; < 12m.
- Công trình kho chứa : 01 – 02 tầng; < 25m.
- Công trình đầu mối kỹ thuật : 01 tầng; < 7m.

đ) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp điện kho và cảng : 50 – 120 kW/ha
- Chỉ tiêu cấp nước : > 20m³/ha-ngày.đêm.
- Chỉ tiêu thoát nước : ≥ 80% nước cấp.
- Thông tin liên lạc : 01 máy/02 người.
- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt : 01 – 1,2 Kg/người/ngày
- Chỉ tiêu rác thải công nghiệp : 0,3 tấn/ha.

5. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

a) Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số người làm việc
I		KHU ĐẤT SỬ DỤNG	76.129,36	100,00	
1	A	Đất dịch vụ điều hành	4.107,03	5,39	
	A1	- Nhà điều hành trạm cân	385,05	0,51	
	A2	- Nhà văn phòng+ Nhà ăn + Nhà sửa chữa vật tư	3.721,99	4,89	
2	B	Đất kho chứa thép	30.651,67	40,26	
3	C1,C2	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	1.562,41	2,05	
	C1	- Trạm xử lý nước thải	958,12	1,26	
	C2	- Khu vực bồn bể xử lý	604,29	0,79	
4		Đất cây xanh - mặt nước	15.989,14	21,00	
4.1	CXCV	- Cây xanh công viên	3.125,05	4,10	
4.2	CXCL	- Cây xanh cách ly	11.313,27	14,86	
4.3	MN	- Mặt nước	1.550,82	2,04	
5		Đất giao thông	23.819,11	31,29	
II		KHU MẶT NƯỚC SỬ DỤNG	16.386,40		
1		- Khu nước dưới bến	4.780,3		
2		- Khu nước trước bến	11.606,1		
III		TỔNG	92.515,76		150

b) Quy hoạch phân khu chức năng: với diện tích đất khoảng 76.129,36m² được phân thành các khu chức năng chính sau:

- Đất khu dịch vụ điều hành: Tổng diện tích 4.107,03m²; gồm: Nhà văn

phòng, Nhà ăn+căn tin, Nhà sửa chữa vật tư, Đội PCCC với mật độ xây dựng $\leq 50\%$, tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng. Khu chức năng này được bố trí tiếp giáp với đường trục chính dự án để thuận lợi cho việc tiếp cận trong quản lý xuất nhập hàng hóa.

- Đất kho chứa thép: Tổng diện tích 30.651,67m²; gồm: Kho chứa hàng với mật độ xây dựng $\leq 43\%$, tầng cao xây dựng tối đa 02 tầng, bố trí dọc theo tuyến đường trục chính.

- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật: Tổng diện tích 1.562,41m²; gồm: Khu xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn, trạm biến áp,... với mật độ xây dựng $\leq 40\%$, tầng cao xây dựng 01 tầng, bố trí ở vị trí thấp ngay khu vực cây xanh, tiếp giáp với hệ thống sông rạch.

- Đất cây xanh - mặt nước: Tổng diện tích 15.989,14m², gồm: Cây xanh tập trung, cây xanh cách ly bờ sông và rạch, mặt nước.

- Đất giao thông: Tổng diện tích 23.819,11m²; gồm: Đường giao thông đối ngoại có lộ giới 29m, đường giao thông nội bộ là các tuyến đường có lộ giới 17m kết nối với nhau.

- Cổng ra vào cảng: Bố trí 1 cổng chính (Rộng 20m) kết nối với đường quy hoạch (Lộ giới 29m) về phía Tây Nam khu cảng.

c) Các chỉ tiêu Quy hoạch – Kiến trúc:

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Diện tích XD (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao
I	KHU ĐẤT SỬ DỤNG	76.129,36			
1	Khu dịch vụ điều hành	4.107,03	2.054	50%	01– 03
	- Nhà điều hành trạm cân	385,05	193	50%	01– 03
	- Nhà văn phòng+ Nhà ăn + Nhà sửa chữa vật tư	3.721,99	1.861	50%	01– 03
2	Đất kho chứa thép	30.651,67	13.180	43%	01– 02
3	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	1.562,41	625	40%	01
	- Trạm xử lý nước thải	958,12	383	40%	01
	- Khu vực bồn bể xử lý	604,29	242	40%	01
4	Đất cây xanh - mặt nước	15.989,14		5%	
4.1	- Cây xanh công viên	3.125,05			
4.2	- Cây xanh cách ly	11.313,27			
4.3	- Mặt nước	1.550,82			
5	Đất giao thông	23.819,11			
II	KHU MẶT NƯỚC SỬ DỤNG	16.386,40			
1	- Khu nước dưới bến	4.780,3			
2	- Khu nước trước bến	11.606,1			
III	TỔNG	92.515,76			

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan – Thiết kế đô thị:

a) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức trục giao thông chính phía Tây Nam khu đất dự án kết nối với tuyến đường quy hoạch có lộ giới 29m, bố trí cổng vào và khu dịch vụ điều hành có tầng cao xây dựng từ 01 - 03 tầng với hình khối kiến trúc hiện đại kết hợp các khoảng không gian cây xanh có diện tích đủ lớn tạo điểm nhấn cho dự án.

- Đồng thời, tổ chức hệ thống giao thông nội bộ và hoa viên cây xanh trải dài xung quanh dự án, tạo không gian cảnh quan thống nhất.

b) Thiết kế đô thị:

- Trục cảnh quan đô thị: Là những tuyến giao thông trọng yếu của khu vực dự án. Để gia tăng tính thẩm mỹ cũng như tạo vi khí hậu cho tuyến đường này, cây xanh được trồng hai bên đường đảm bảo khoảng cách an toàn từ cây đến với khu kho chứa.

- Công viên kết hợp thể dục thể thao: Đây là khu vực công viên kết hợp với thể dục thể thao nhằm tạo nơi vui chơi, giải trí của công nhân viên phục vụ trong dự án.

- Trục cảnh quan ven sông: Phần cảnh quan này tận dụng cây xanh hiện trạng mang đặc trưng vùng sông nước chủ yếu là trồng cây bờ cạp vàng, bằng lăng tím có tác dụng chống sạt lở đất bờ sông khoảng cách trung bình tính từ mép sông từ 10m đến 50m.

- Kè bảo vệ bờ: Để đảm bảo độ ổn định cho tuyến đường bờ dọc sông Đồng Nai và các công trình phía trong. Kết cấu kè bằng đá hộc xây hoặc tấm lát bê tông dạng mái nghiêng trên nền đất được gia cố cọc BTCT.

- Khu vực điều hành dịch vụ: Gồm các công trình: Nhà văn phòng, nhà ăn + căn tin, nhà sửa chữa vật tư, xung quanh khu đất bố trí các dải cây xanh cách ly, ngăn bụi và tiếng ồn bảo vệ môi trường cho khu vực sản xuất trong khu cảng và các khu vực lân cận.

- Khu kho chứa: Được quy hoạch, thiết kế với hình khối kiến trúc, độ cao, màu sắc, kết cấu bao che công trình,... hài hoà tạo cảnh quan chung cho khu vực.

- Đường xe goòng: Phương án vận chuyển là sử dụng đường xe goòng chạy trên ray nên lựa chọn phương án kết cấu cầu dẫn dạng bộ cọc cao đài mềm trên nền cọc.

- Cầu dẫn: Phương án tổ chức giao thông giữa cầu chính và đường bãi + kho hàng sau bến, lựa chọn phương án kết cấu cầu dẫn dạng bộ cọc cao đài mềm trên nền cọc.

c) Quy định về chiều cao xây dựng công trình:

- Công trình dịch vụ điều hành : < 12m.

- Công trình đầu mối kỹ thuật : < 07m.

- Công trình kho chứa : < 25m.

d) Quy định về khoảng lùi xây dựng công trình:

- Đối với sông Đồng Nai : $\geq 50m$.
- Đối với các trục đường trục chính: $\geq 10m$.
- Đối với các trục đường nội bộ : $\geq 06m$.

e) Quy định về hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc của các công trình:

- Hình khối kiến trúc công trình: phải tạo được không gian hài hoà và tạo được sự đồng bộ hợp lý (*Về hình thức mái, số tầng cao, khoảng lùi*).
- Quy định về vật liệu xây dựng: Ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương, phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của khu vực.
- Quy định về màu sắc trang trí mặt tiền: Sử dụng màu sắc tươi sáng, cùng tông màu hài hòa trên bề mặt công trình.
- Về kiến trúc công trình và quản lý đầu tư xây dựng trong dự án được quy định cụ thể tại Quy định quản lý xây dựng kèm theo hồ sơ.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Đường quy hoạch lộ giới 29,0m (*Lòng đường 2x7,0m = 14m; vỉa hè hai bên 5,0m+8,0m = 13,0m; giải phân cách giữa 2,0m*).

- Giao thông đối nội:

- + Đường D1 (*Đoạn giữa*), đường N1, N2: Lộ giới 17,0m (*Lòng đường 12,0m; vỉa hè hai bên 1,0m + 4,0m = 5,0m*); Mặt cắt 1-1.

- + Đường D1 (*Đoạn đầu - đoạn cuối*): Lộ giới 20,0m (*Lòng đường 15,0m; vỉa hè hai bên 1,0m + 4,0m = 5,0m*); Mặt cắt 2-2.

- + Đường D2: Lộ giới 12,0m (*Lòng đường 10,0m; vỉa hè hai bên 1,0m+1,0m = 2,0m*); Mặt cắt 4-4.

- + Đường D3: lộ giới 17,0m (*Lòng đường 15,0m; vỉa hè hai bên 1,0m+1,0m = 2,0m*); Mặt cắt 5-5.

- + Đường D4: lộ giới 20,0m (*Lòng đường 15,0m; vỉa hè hai bên 1,0m+4,0m = 5,0m*); Mặt cắt 3-3.

- Bãi đậu xe: Kết cấu mặt đường phải đảm bảo: Môđun đàn hồi yêu cầu tối thiểu là $E_{yc}=155$ Mpa, độ dốc phù hợp đảm bảo thoát nước mưa, nước mặt nhanh nhất, độ dốc $i = 2\%$.

- Cầu cảng: Theo Văn bản số 1243/CĐTNĐ-PCTTr ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa Vĩnh Tân chiều dài cầu cảng thủy nội địa Vĩnh Tân là 211m. Tổng diện tích vùng mặt nước sử dụng là 16.386,40m².

- + Chiều dài bến: 206,5m, Chiều rộng bến: 30m; Cao trình đỉnh +2,8m, cao trình đáy -10,0m (*Hệ Hòn dẫu*).

- + Khu nước trước bến: Dài 211m và rộng 55m, cao trình đáy -10,0m (*Hòn dẫu*) đáp ứng việc neo đậu đồng thời 01 tàu đến 5.000DWT và 01 sà lan 1.000T;

b) Quy hoạch san nền - Thoát nước mưa:

- Cao độ san nền thiết kế theo phương pháp đắp nền tới cote theo quy định chung của huyện Nhơn Trạch ($H_{xd} \geq 2,3m$), và tạo độ dốc tự nhiên để thuận lợi cho việc thoát nước mưa; Vật liệu dùng đắp nền là cát, tổng khối lượng $100.019,89m^3$.

- Xây dựng hệ thống kè mềm dạng mái nghiêng bằng đá hộc phía tiếp giáp sông Đồng Nai để chống sạt và xây dựng hệ thống kè giáp rạch đảm bảo ổn định nền đất (*Nền đất dưới chân kè gia cố bằng cừ tràm trong phạm vi bề rộng 8m*).

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với nước thải sinh hoạt, đầu tư hoàn chỉnh với chế độ tự chảy; Hệ thống thoát nước mưa sẽ được chia ra làm nhiều khu vực nhỏ, sau khi thu gom được dẫn về bể xử lý nước mặt trước khi thoát ra kênh rạch bằng các cửa xả $\varnothing 1000$. Công thoát nước mưa bố trí dưới vỉa hè, sử dụng cống BTCT đường kính từ $\varnothing 600 - \varnothing 1000$, độ sâu chôn cống $\geq 0,5m$.

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Giai đoạn đầu: Hiện nay, khu vực chưa có hệ thống đường ống cấp nước tập trung. Công ty dự kiến sử dụng nước mặt sông Đồng Nai hoặc nước ngầm dưới đất trong trường hợp nước mặt không đạt chuẩn sử dụng để phục vụ dự án (*Chỉ được phép khai thác, sử dụng nước mặt hoặc nước ngầm khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận*).

- Giai đoạn sau: Nguồn cấp nước sẽ được lấy từ tuyến ống cấp nước dọc theo tuyến đường vào cảng Hà Đức cũ (*Dài khoảng 4,2km đến đầu dự án*).

- Thiết kế mạng lưới vòng kết hợp mạng cụt để cấp nước cho khu vực, đảm bảo cung cấp nước an toàn và liên tục. Trong khu vực thiết kế bố trí các tuyến ống cấp nước với $\varnothing 110$. Sử dụng ống HDPE bố trí dưới vỉa hè dọc theo các trục đường với kính từ $\varnothing 110$.

- Lưu lượng cấp nước cho chữa cháy $q = 15 \text{ l/s}$ cho một đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời một lúc là 3 đám cháy. Nước PCCC khoảng $270m^3$ (*Nước PCCC không mang tính chất sử dụng thường xuyên*). Bố trí các trụ cứu hỏa với bán kính phục vụ 150 m.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng: $Q = 98m^3/\text{ngđ}$.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải từ các công trình được dẫn bằng hệ thống cống BTCT đường kính D300 dọc theo đường giao thông dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất $25m^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp ($Cột A, K_q=0,9, K_f=1,2$) và Quyết định số 135/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Rác thải: Ký hợp đồng với đơn vị Dịch vụ môi trường đô thị thu gom và đưa đi xử lý bằng xe chuyên dùng tại bãi xử lý theo quy hoạch chung.

đ) Quy hoạch hệ thống điện:

- Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ tuyến trung thế hiện hữu 22kV từ Cảng Hà Đức cũ. Xây dựng mới: đường dây trung thế, đường dây hạ thế, trạm biến áp (*Loại trạm trong nhà hoặc trạm compact*) để cấp điện cho toàn dự án.

- Các tuyến trung thế, hạ thế, lưới điện chiếu sáng được đầu tư đồng bộ dọc các tuyến đường, ngầm dưới vỉa hè.

- Tổng nhu cầu cấp điện cho dự án là 3.200 kVA.

e) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn tín hiệu chính được ghép nối với trạm Long Tân của viễn thông huyện Nhơn Trạch. Xây dựng mới tuyến cáp từ trạm tới dự án, toàn bộ hệ thống cáp tín hiệu được đi ngầm.

- Đầu tư hệ thống công bố ngầm, tủ cáp trong dự án đồng bộ cùng với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác, để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (*VNPT, FPT, Viettel,...*) đáp ứng nhu cầu tại dự án.

- Tổng dung lượng là 15 thuê bao.

g) Quy hoạch cây xanh:

- Cây Bằng Lăng được trồng dọc theo vỉa hè các trục đường trong dự án.

- Cây Dầu được trồng dọc theo dải cây xanh cách ly của dự án.

- Cỏ Lá Gừng được trồng phủ trên các bồn cây và trồng trong công viên.

h) Đánh giá môi trường chiến lược: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

8. Danh mục các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong dự án: Dự án đầu tư xây dựng Cảng thủy nội địa Vĩnh Tân tại xã Long Tân sẽ được đầu tư và thực hiện từ năm 2021 đến năm 2022:

a) Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

b) Xây dựng hệ thống kè chống sạt lở bờ sông, rạch.

c) Xây dựng bến tàu.

d) Xây dựng các công trình điều hành dịch vụ.

đ) Xây dựng kho chứa thép.

e) Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật.

g) Xây dựng hàng rào bảo vệ xung quanh.

9. Quy định quản lý: Ban hành quy định quản lý kèm theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cảng thủy nội địa Vĩnh Tân tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch gồm: 05 Chương và 20 Điều.

10. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn thực hiện:

a) Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Nhơn Trạch và vốn

vay của Công ty mẹ.

b) Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn chủ sở hữu.

Điều 2. Trên cơ sở Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cảng thủy nội địa Vĩnh Tân tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch được duyệt, Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Nhơn Trạch có trách nhiệm phối hợp cùng Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, Ủy ban nhân dân xã Long Tân thực hiện:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ cấm mốc giới theo quy định. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, Ủy ban nhân dân xã Long Tân tổ chức triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cấm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận, đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Căn cứ vào quy hoạch chi tiết được duyệt, Chủ đầu tư thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch; việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, công an phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Tân; Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Nhơn Trạch; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *bc*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh, Phó Chánh Văn phòng (KTN);
 - Lưu: VT, KTN Tan.
- <D:\2021\Nhơn Trạch\QHCT\>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng

Cao Tiến Dũng